**un, ut. ưt**

Tiết: 162, 163

Ngày dạy: Ngày 6 tháng 12 năm 2023

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các vần un, ut, ưt; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần un, ut, ưt.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần un, vần ut, vần ưt.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Làm mứt.*

- Viết đúng các vần un, ut, ưt, các tiếng phun, bút, mứt (trên bảng con).

2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất:

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, yêu động vật.

- Kiên nhẫn, biết quan sát và viết đúng nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**\*GV:** SGK, SGV, bộ chữ, tranh ảnh, vật thực ,bảng cài, bộ thẻ chữ**,**

**\* HS:** SGK, bảng con, phấn, bút, vở Bài tập Tiếng Việt 1- tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Hoạt động mở đầu: 3’**  - HS hát.  - Giới thiệu bài: vần un, ut, ưt; ghi đề bài lên bảng  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: 15’**   1. a. Dạy vần un:   - HS đọc: u - nờ - un.  - Phân tích vần un.  - Đánh vần, đọc: u - nờ - un / un.  - GV đưa hình rút tiếng phun  - HS nói: *phun.* / Phân tích tiếng phun.  - Đánh vần, đọc: phờ - un - phun / phun.  - Đánh vần, đọc trơn: u - nờ - un / phờ - un - phun / phun.   1. b. Dạy các vần ut, ưt (như vần un)   - Đánh vần, đọc trơn: u - tờ - ut / bờ - ut - but - sắc - bút / bút.  - Đánh vần, đọc trơn: ư - tờ - ưt / mờ - ưt - mưt - sắc - mứt / mứt.  - HS so sánh sự giống nhau và khác nhau của ba vần: un, ut, ưt  \*Củng cố: Em học được những vần gì mới? ( un, ut, ưt) GV chỉ mô hình từng vần, tiếng, từ ứng dụng, cả lớp đánh vần, đọc tron.  \* Củng cố: HS nói 3 vần mới học: un, ut, ưt, 3 tiếng mới học: phun, bút, mứt.  **3. Hoạt động luyện tập thực hành: 17’**  \*Mở rộng vốn từ: (BT 2: Tiếng nào có vần un? Tiếng nào có vần ut? Tiếng nào có vần ưt?)  - Yêu cầu HS đọc từng từ ngữ: *chim cút, râm bụt, nứt nẻ, chú lùn, ấm sứt,cún con.*  - Tìm tiếng có vần un, vần ut, vần ưt; làm bài trong VBT. / Báo cáo kết quả. / Cả lớp đồng thanh (nói nhỏ): Tiếng lùn có vần un. Tiếng cút có vần ut. Tiếng nứt có vần ưt,...  \*Tập viết: (bảng con - BT 4)  a. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  - Vần un: u viết trước, n viết sau; chú ý nối nét từ u sang n. / Làm tương tự với ut, ưt.  - phun: viết ph trước, vần un sau. / Làm tương tự với bút, mứt. Dấu sắc đặt trên u,  ư.  b. HS viết: un, ut, ưt (2 lần). Sau đó viết: phun, bút, mứt.  *Tiết 2*  \* Tập đọc: (BT3) 30’  a. GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc: Hai bạn thỏ và cún đang làm mứt cà rốt. Nồi mứt đặt trên bếp lửa đang cháy đùng đùng.  b. GV đọc mẫu.  c .Luyện đọc từ ngữ: làm mứt, đun bếp, lửa ngùn ngụt, rút bớt lửa, phàn nàn, nhỏ nhẹ. GV giải nghĩa từ: *ngùn ngụt* (lửa bốc mạnh thành ngọn lớn), *phàn nàn* (nói ra nỗi buồn bực, không vừa ý), *nhỏ nhẹ* (nói nhỏ, nhẹ nhàng, dễ nghe).  d. Luyện đọc câu  - GV: Bài có 11 câu.  - GV chỉ từng câu (hoặc chỉ liền 2 câu ngắn) cho HS đọc vỡ.  - Đọc tiếp nối từng câu (hoặc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).  e. Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn đọc: 5/6 câu).  g. Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC; chỉ từng vế câu cho HS đọc.  - 1 HS làm mẫu câu 1: a) Thỏ rủ cún - 3) làm mứt cà rốt.  - HS làm bài trên VBT.  - HS báo cáo kết quả.  - Cả lớp nhắc lại: a) Thỏ rủ cún - 3) làm mứt cà rốt. / b) Cún - 1) đun bếp, lửa ngùn ngụt. / c) Làm mứt - 2) cần nhỏ lửa.  \* HS đọc lại bài 72 (nếu còn thời gian).  **4.Hoạt động vận dụng thực hành: 3’**  HS tìm thêm tiếng ngoài bài có vần un, ut, ưt  **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp: 2’**  - Hôm nay các em học vần gì mới?  - GV dặn HS về nhà xem trước bài: uôn, uôt  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi biểu dương HS | - HS hát  - HS lắng nghe  - HS đọc (cá nhân, cả lớp)  - HS phân tích  - HS đánh vần (cá nhân, cả lớp)    - HS nói, phân tích.  - HS đánh vần  - HS đánh vần, đọc trơn(CN, ĐT)    -HS đọc (cá nhân, cả lớp)  -HS đọc (cá nhân, cả lớp)  - HS so sánh và trả lời.  - HS trả lời  - HS nói  -HS đọc từ ngữ  -Tìm tiếng, Báo cáo kết quả, đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con  -HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện  - HS làm bài  - HS báo cáo kết quả  - HS thực hiện  - HS trả lời  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau bài học:**

**………………………………………………………………………………………………..**

**……………………………………………………………………………………………….**

**……………………………………………………………………………………………….**